

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 46/2022/DS - ST
- Ngày: 29 - 7 - 2022
- V/v: " *Tranh chấp nợ hụi* ".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách**.
- *Các Hội Thẩm Nhân Dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợ**;

2. Bà **Trần Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Như Ngọc - *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Sển** - *Kiểm sát viên.*

Trong 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, về việc: “ *Tranh chấp nợ hụi* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 35/2022/QĐST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: tổ 6, ấp Hòa N, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Tạ Đức H**, sinh năm: 1985

Ông **Nguyễn văn Th**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ 6, ấp Hòa N, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(*Nguyên đơn bà Đ có mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà H, ông Th vắng mặt lần 2 không có lý do.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn chị Phan Thị Đ trình bày:** Ngày 15/04/2018 cô Tạ Đức H làm chủ hội có áp dây hội 1.000.000 đồng/10 ngày xổ một lần, chân hội có 74 phần, tôi tham gia 2 phần hội, khi hội xổ được đến lần thứ 54 thì cô Hoa ngưng hội.

Đến ngày 05/05/2020, hai bên ngồi tính toán lại thì cô H thừa nhận nợ hai phần hội của tôi là 108.500.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó cô H trả cho tôi được 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ lại tôi 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cô Hoa cứ hứa lần mãi mà không chịu trả cho tôi, sau đó tôi nhờ chính quyền địa phương hòa giải, qua 2 lần hòa giải tại địa phương cô H thừa nhận số nợ còn nợ của tôi là 80.000.000 đồng nhưng chỉ xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, do hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện được nên tôi không đồng ý nên địa phương hòa giải không thành, do đó tôi làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bà Phan Thị H yêu cầu: Đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang buộc vợ chồng bà Tạ Đức H phải trả cho tôi số tiền chơi hội còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

* **Bị đơn chị Tạ Đức H và anh Nguyễn Văn Th trình bày:** Vào năm 2019, vợ tôi có tổ chức chơi hội, do vợ chồng tôi làm chủ hội với số tiền đóng 1.000.000 đồng/10 ngày. Dây hội này gồm có 74 hội viên cùng chơi, hội 10 ngày xổ 1 lần, xổ vào các ngày 15, 25 và ngày 5 hàng tháng, trong đó có hội viên bà Phan Thị Đào. Hiện tại do làm ăn thất bại nên tôi không đủ khả năng để tiếp tục làm chủ hội và tôi xác nhận trong dây hội này tôi nợ bà Phan Thị Đ số tiền chơi hội là 108.500.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng). Vào ngày 05/05/2020 tôi đã trả cho chị Đào 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy vợ chồng tôi còn nợ bà Đào số tiền hội 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Nay vợ chồng tôi thừa nhận tôi đang nợ bà Phan Thị Đ số tiền hội là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Vợ chồng bà H, ông Th xin trả cho bà Đào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi dứt nợ

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn

bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đào buộc bị đơn bà Tạ Đức H, ông Nguyễn Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Đào số tiền hụi 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Thắng, bà Tạ Đức H trả cho bà số tiền hụi còn nợ, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*”, đồng thời bị đơn bà Hoa, ông Thắng có nơi cư trú tại ấp Hòa N, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Tạ Đức H, ông Nguyễn Văn Thắng vắng mặt phiên tòa lần 2 không lý do và nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Tạ Đức Hoa, ông Nguyễn Văn Thắng phải trả cho bà Đào số tiền nợ hụi 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử bà Đào đã cung cấp cho Tòa án 01 sổ hụi và biên bản hòa giải của địa phương. Thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án của như tại biên bản hòa của BLĐ ấp Hòa Ninh thì vợ chồng bà Hoa, ông Thắng đều thừa nhận còn nợ bà Đào tiền hụi gốc là 80.000.000đ và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ, ngoài ra bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ, HĐXX xét thấy lời yêu cầu của ông Thắng, bà Hoa là không có cơ sở vì từ khi

ông Thắng, bà Hoa nợ tiền đến nay bà Đào đã tạo điều kiện cho vợ chồng bà Hoa, ông Thắng rất nhiều thời gian để thanh toán nhưng không có kết quả và tại phiên tòa hôm nay bà Đào cũng không thống nhất với ý kiến của ông Thắng, bà Hoa. Việc bị đơn xin thêm thời gian trả nợ là nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Do bà Đào không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật như những nhận định nêu trên, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên cần xử buộc vợ chồng ông Thắng, bà Hoa có nghĩa vụ trả tiền nợ hui cho bà Đào với tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Hoa được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Tạ Đức Hoa, ông Nguyễn Văn Thắng chịu án phí 80.000.000đ x 5% = 4.000.000đồng. Nguyên đơn bà Phan Thị Đào thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị Định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 và Nghị Định số: 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2016

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đ

Xử:

1. Buộc vợ chồng bà Tạ Đức H, ông Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm trả cho Phan Thị Đ số tiền nợ hui gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), bà Đào không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Tạ Đức H, ông Nguyễn Văn Th chịu án phí $80.000.000đ \times 5\% = 4.000.000đ$ ồng. Nguyên đơn bà Phan Thị Đ thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tòa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

